

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TIN LÀNH Ở TÂY NGUYÊN QUA 30 NĂM ĐỔI MỚI

Tóm tắt: Bài viết trình bày sự đổi mới chủ trương công tác và những thành công trong việc thực hiện chính sách đối với Tin Lành ở Tây Nguyên qua 30 năm Đổi mới, và những vấn đề đang đặt ra trong thời gian tới để có giải pháp vừa đảm bảo được nhu cầu tôn giáo của người dân, vừa hướng được hoạt động của tôn giáo này theo quy định của pháp luật, đảm bảo được an ninh chính trị tại địa phương.

Từ khóa: Tin Lành, điểm nhóm, Tây Nguyên.

1. Tình hình Tin Lành ở Tây Nguyên trước khi có chủ trương “bình thường hóa” hoạt động

Từ năm 1911, các nhà truyền giáo của Hiệp hội Cơ Đốc và Hội Truyền giáo (CMA) từ Hoa Nam đã đến Đà Nẵng đặt cơ sở đầu tiên cho Tin Lành tại Việt Nam¹. Nhưng do công cuộc truyền giáo ở các tỉnh đồng bằng bấy giờ không thuận lợi nên cuối những năm 1920 Hội Truyền giáo này có những bước đi đầu tiên nhằm phát triển đạo lên vùng tộc người thiểu số các tỉnh Tây Nguyên: Lâm Đồng vào năm 1929, Đắk Lắk năm 1932, Gia Lai năm 1938. Với tỉnh Kon tum, mãi đến năm 1959, Tin Lành mới có mặt lần đầu tiên tại huyện Đắk Glei. Năm 1942, tại Đại hội đồng lần thứ 19, Hội thánh Tin Lành Việt Nam thông qua nghị quyết trong đó có nội dung nâng đỡ việc truyền giáo ở vùng tộc người thiểu số. Năm 1960, Đại hội đồng Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) quyết định thành lập Địa hạt Thượng du (gọi tắt là Thượng hạt) cho tín đồ các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên. Năm 1969, Tổng Liên hội quyết định chia Địa hạt Thượng du thành hai hạt là Trung Thượng hạt và Nam Thượng hạt. Đến trước năm 1975, Tin Lành đã phát triển vào 16 tộc người thiểu số tại Tây Nguyên, tổng số tín đồ là người dân tộc thiểu số ở khu vực này đã lên tới 71.200 người. Trong đó, hai địa hạt thượng du thuộc Hội Thánh Tin

* PGS.TS., Học viện Chính trị khu vực III.

Lành Việt Nam (Miền Nam) có 61.500 tín đồ với 216 chi hội, 42 mục sư, 91 truyền đạo, 50 truyền đạo sinh, 2 trường kinh thánh đào tạo giáo sĩ và 7 trung tâm truyền giáo (Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Pleiku, Bảo Lộc, Phước Long, Quảng Đức, Đơn Dương)².

Từ năm 1977 trở đi, tổ chức FULRO dựa vào Tin Lành như một vũ khí tinh thần để lợi dụng, lôi kéo các tộc người thiểu số, xem đây là một phương tiện tập hợp quần chúng, nên để ổn định tình hình chính trị, các địa phương trên địa bàn Tây Nguyên có chủ trương ngưng các hoạt động của Tin Lành. Tuy về mặt hành chính đạo không còn, nhưng trên thực tế từ giữa những năm 1980 trở đi, bằng nhiều hình thức hoạt động như tự xây dựng đội ngũ truyền đạo, tự hình thành các ban chấp sự ở các buôn làng, Tin Lành ở Tây Nguyên đã gia tăng nhanh chóng số lượng tín đồ và phạm vi phát triển đạo. Ngoài các địa bàn đã có Tin Lành từ trước năm 1975 phục hồi trở lại, thời gian này Tin Lành đã phát triển lan rộng ra toàn vùng. Ngoài ra, còn có hàng nghìn người theo Tin Lành ở các địa phương khác di cư đến sinh sống ở Tây Nguyên cũng là một trong những nguyên nhân làm cho tín đồ ở đây tăng lên. Tính đến tháng 4/2003 đã có 12 hệ phái Tin Lành hoạt động truyền đạo tại Tây Nguyên (tăng gấp 4 lần), với tổng số tín đồ lên đến 296.478 người, trong đó Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) có số lượng tín đồ chiếm đến 80,5% tổng số tín đồ Tin Lành toàn vùng³.

2. Chủ trương, chính sách đối với Tin Lành và kết quả đạt được sau 30 năm Đổi mới ở Tây Nguyên

Tháng 12/1986, Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng có bước đi và cách làm phù hợp. Trong xu thế đó, Đảng có sự đổi mới tư duy về tôn giáo, bắt đầu bằng Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI về *Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới* (16/10/1990), và bằng Thông báo số 184-TB/TW (1998), Thông báo số 255-TB/TW (1999) về *chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*. Theo đó, phải đặt vấn đề nhận thức về Tin Lành trong nhận thức chung về tôn giáo thể hiện ở Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị khóa VI, xem đó là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; còn tồn tại lâu dài; đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp. Chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín

ngưỡng, tôn giáo của mọi người dân. Với Tin Lành ở Tây Nguyên, phải nhận thấy đây là một tôn giáo phát triển nhanh nhất trong vùng tộc người thiểu số tại chỗ (so với năm 1975, đến năm 2000 số tín đồ ở Đắk Lắk tăng hơn 8 lần, tỉnh Kon Tum tăng 3,6 lần; Lâm Đồng tăng 2,6 lần; Gia Lai tăng 2,5 lần)⁴, đã hình thành tình cảm, niềm tin tôn giáo khá sâu sắc đối với cộng đồng tín đồ nên cần phải tôn trọng và bảo đảm sự lựa chọn về tôn giáo của tộc người thiểu số, tạo điều kiện thực hành tôn giáo bình thường theo quy định của pháp luật. Tin Lành đã trở thành một thực thể tôn giáo khá ổn định tại khu vực Tây Nguyên, có ảnh hưởng lớn trong cộng đồng tộc người thiểu số tại chỗ, không chỉ trong đời sống tôn giáo, văn hóa, phong tục tập quán mà cả trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và sự ổn định chính trị của cả khu vực. Vì vậy, giải quyết tốt vấn đề Tin Lành không chỉ là nhiệm vụ trước mắt mà là công tác cơ bản, lâu dài, có ý nghĩa chính trị quan trọng, là một trong những nhân tố góp phần ổn định tình hình Tây Nguyên, tạo điều kiện để Tây Nguyên phát triển bền vững, tạo thuận lợi trong quan hệ đối ngoại và nâng cao uy tín của nhà nước Việt Nam trên trường quốc tế. Giải quyết vấn đề Tin Lành ở Tây Nguyên không chỉ là vấn đề tôn giáo mà còn là vấn đề dân tộc. Do đó, việc thực hiện chính sách tôn giáo nói chung, hay đối với Tin Lành ở Tây Nguyên nói riêng phải gắn liền với việc thực hiện chính sách dân tộc, với các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng ở địa phương, ổn định và nâng cao một bước đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc. Phải làm tốt công tác vận động quần chúng đối với tín đồ Tin Lành, xem công tác đối với Tin Lành là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và cần hiểu rõ tính chất phức tạp, không đồng nhất của các hệ phái Tin Lành để có cách ứng xử thích hợp.

Cùng với sự đổi mới về nhận thức là sự đổi mới mạnh mẽ về những chính sách cụ thể. Trước hết, cho phép những người theo Tin Lành có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo thuần túy đăng ký hoạt động tôn giáo bình thường, tạo điều kiện thuận lợi về nhà nguyện, đào tạo chức sắc theo đúng quy định của pháp luật. Hướng dẫn cho người mới theo các hệ phái chưa được công nhận tư cách pháp nhân có nguyện vọng sinh hoạt tôn giáo thuần túy tại gia đình đăng ký sinh hoạt ở những gia đình có điều kiện về cơ sở vật chất cho việc thờ phụng, đăng ký nội dung hoạt động tôn giáo với chính quyền, nếu đủ điều kiện sẽ tạo thuận lợi để đồng bào sinh hoạt tôn giáo bình thường.

Những chủ trương mới đối với Tin Lành đã tạo ra sự thông thoáng cho hoạt động của tôn giáo này tại các tỉnh Tây Nguyên. Từ năm 2001, chính quyền các tỉnh tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình tổ chức và hoạt động của Tin Lành tại địa phương, tạo điều kiện cho một số mục sư tham gia ban vận động thành lập Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam); cử đại biểu đi dự Đại hội Tổng Liên hội lần thứ nhất (lần thứ 43 theo lịch sử giáo hội) và chấp thuận cho Tổng Liên hội bổ nhiệm Ban đại diện Tin Lành 3 tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng. Đến năm 2004 đã có 32 chi hội được hội đồng (Gia Lai 15, Đắk Lắk 4, Đắk Nông 1; Lâm Đồng 12) với số tín đồ 41.022 người, trong tổng số 289.826 tín đồ (Kon Tum 12.640; Gia Lai 71.946; Đắk Lắk 108.341; Đắk Nông 31.349; Lâm Đồng 65.550 tín đồ) thuộc 10 hệ phái, trên 1.100 điểm nhóm của toàn vùng⁵. Tuy nhiên, sau 4 năm triển khai, mức độ “bình thường hóa” hoạt động của Tin Lành ở khu vực diễn ra vẫn còn chậm; chỉ mới có khoảng 10% số tín đồ thuộc Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) được sinh hoạt tôn giáo tại các điểm nhóm⁶. Vẫn còn nhiều nơi sinh hoạt tôn giáo của Tin Lành không đăng ký với cơ quan quản lý của nhà nước. Còn có trên 1.000 chi hội với hàng trăm ban chấp sự được lập ra ở các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng nhưng không đăng ký với chính quyền; kèm theo đó là nhiều hoạt động trái quy định pháp luật. Công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo này ở Tây Nguyên chưa thể phát huy được hiệu quả. Chính vì vậy, cho đến năm 2004, hoạt động của Tin Lành vẫn còn tự phát và trở thành một vấn đề tôn giáo lớn, rất mới và rất khó, liên quan đến nhiều lĩnh vực, như: dân tộc, an ninh chính trị tại Tây Nguyên, cả công tác đối ngoại của Nhà nước Việt Nam.

Từ thực tiễn trên, ngày 04/02/2005 Thủ tướng Chính phủ có Chỉ thị số 01/2005/CT-TTG với chủ trương hướng dẫn, giúp đỡ Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) và Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) thực hiện các hoạt động tôn giáo đúng theo Hiến chương, Điều lệ của giáo hội và tuân thủ các quy định của pháp luật. Các nhu cầu về xây dựng cơ sở thờ tự, phong chức sắc, bồi dưỡng giáo lý của các hệ phái Tin Lành đã được giải quyết. Các tổ chức hệ phái Tin Lành chưa đủ điều kiện công nhận tư cách pháp nhân thực hiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo với chính quyền xã, phường. Một số hệ phái Tin Lành có trước năm 1975 đang hoạt động tôn giáo thuần túy được từng bước công nhận. Riêng với người dân theo Tin Lành ở Tây Nguyên, nam Trường Sơn và các tỉnh Miền Trung, Chỉ thị số 01 thể hiện rõ chủ trương tiếp tục xem xét công nhận các chi hội

thuộc Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) và phổ biến, hướng dẫn các chi hội này xây dựng nơi thờ tự; đào tạo và bố trí chức sắc hướng dẫn sinh hoạt tôn giáo cho các chi hội đã được công nhận theo quy định của pháp luật. Xem xét nhu cầu sinh hoạt tôn giáo và chấp hành các quy định của pháp luật của người theo đạo ở những nơi chưa đủ điều kiện được công nhận chi hội để tạo điều kiện cho họ thực hiện các sinh hoạt tôn giáo bình thường tại gia đình, hoặc hướng dẫn tín đồ Tin Lành đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo điểm nhóm với chính quyền cơ sở theo đơn vị thôn, buôn. Có thể thấy, chủ trương đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo điểm, nhóm với chính quyền cơ sở theo đơn vị thôn, buôn được hình thành trên cơ sở nhìn nhận thực tế sinh hoạt tôn giáo của người tin theo Tin Lành kể từ năm 1980 trở đi.

Đến nay, sau 10 năm triển khai hướng dẫn đăng ký điểm, nhóm theo Chỉ thị số 01/2005 của Thủ tướng Chính phủ, tình hình sinh hoạt tôn giáo của các hệ phái Tin Lành đã đạt được nhiều kết quả.

Một là, giải quyết được nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng của người theo Tin Lành; sinh hoạt tôn giáo đi vào ổn định trong điều kiện có nhà thờ, chức sắc. Đến giữa năm 2015, chính quyền các tỉnh ở Tây Nguyên đã phê duyệt đề nghị tổ chức hội đồng của 231 chi hội, hội thánh và 3 hội nhánh (tỉnh Kon Tum: 5 chi hội, Gia Lai: 57 chi hội, Đắk Lắk: 44 chi hội, Đắk Nông: 26 chi hội, Lâm Đồng: 99 chi hội và 03 hội nhánh), trong đó nhiều nhất là của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) có 220 chi hội, hội nhánh; chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo cho 843/1.103 điểm nhóm, 97 cơ sở tôn giáo xây dựng mới và sửa chữa, nâng cấp⁷. Đối với các điểm, nhóm sinh hoạt nhỏ lẻ thuộc các hệ phái chưa được cấp đăng ký hoạt động, nhiều địa phương đã chủ động triển khai việc kê khai sinh hoạt điểm, nhóm để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của họ.

Hai là, giúp chính quyền nắm được số lượng người “cải giáo” để tôn trọng quyền tự do thực hành tôn giáo hợp pháp tại các chi hội và điểm nhóm cho hơn 95% tín đồ Tin Lành. Hiện nay, toàn vùng có 440.158 tín đồ (tỉnh Kon Tum: 17.216; Gia Lai: 116.730; Đắk Lắk: 159.298; Đắk Nông: 54.321; Lâm Đồng: 92.593 người), trong đó số tín đồ là người tộc người thiểu số chiếm đến 97% (427.909 người). Như vậy, tổng số tín đồ toàn vùng đã tăng gần 6,2 lần so với năm 1975; gấp 4 lần so với năm 2004 (trước khi triển khai thực hiện chủ trương đăng ký điểm nhóm tại

buôn làng). Địa bàn có người theo Tin Lành cũng mở rộng hơn rất nhiều. Chỉ riêng tỉnh Gia Lai đến giữa năm 2014, Tin Lành đã có mặt ở 584 buôn làng, thuộc 170 xã của tất cả 17 huyện. Như vậy, đã tăng thêm 8 huyện, 75 xã, 308 buôn làng so với năm 1994, và tăng 10 huyện, 128 xã, 480 buôn làng so với năm 1975⁸.

Kết quả việc triển khai thực hiện chủ trương công tác đối với Tin Lành đã làm chuyển biến căn bản tình hình của tôn giáo này theo hướng ổn định; không chỉ đáp ứng được nguyện vọng chính đáng và hợp pháp của đồng bào theo Tin Lành mà còn đáp ứng yêu cầu quản lý tôn giáo bằng pháp luật. Qua đó tạo được niềm tin của nhiều chức sắc, chức việc và đông đảo quần chúng tín đồ đối với quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Các tổ chức Tin Lành sau khi được công nhận đã đi vào hoạt động nền nếp, tuân thủ pháp luật với đường hướng đồng hành cùng dân tộc; không khí sinh hoạt đạo ở những tổ chức, điểm nhóm Tin Lành hợp pháp ổn định; chức sắc, tín đồ phấn khởi, cởi mở và hợp tác với chính quyền. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với Tin Lành được nâng cao hơn; qua đó chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu lợi dụng Tin Lành của các thế lực thù địch và góp phần vào công tác đối ngoại của Nhà nước. Có thể nói, nếu không đạt được kết quả công tác đối với Tin Lành như vậy thì khó có thể thể ổn định Tây Nguyên như hiện nay.

3. Những vấn đề đặt ra

Tuy công tác đối với Tin Lành ở Tây Nguyên đã làm sáng rõ và khẳng định chủ trương, chính sách tôn giáo đổi mới của Đảng là đúng đắn, trở thành cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng chủ trương, chính sách đối với Tin Lành ở khu vực Tây Bắc và các hệ phái Tin Lành khác, được dư luận quốc tế đánh giá tốt, nhưng thực tế cũng cho thấy, việc thực hiện chính sách đối với Tin Lành ở Tây Nguyên vẫn còn nhiều vấn đề chưa giải quyết hoặc giải quyết chậm, trong đó vừa có những vấn đề do lịch sử để lại, vừa có những vấn đề quản lý mới phát sinh, có những vấn đề đặt ra rất cấp bách cần được quan tâm.

Trên bình diện tiếp tục đổi mới chính sách đối với tôn giáo nói chung, mà việc soạn thảo và thông qua Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo đang là vấn đề đặt ra trước mắt⁹. Trong đó, vấn đề cơ bản là Luật này phải thể hiện được các mục tiêu: *Một là*, ghi nhận và thể chế hóa quyền tự do tôn giáo của người dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 (Điều 24, chương II). *Hai là*, phải đảm bảo cho mọi sinh hoạt, hoạt động tôn giáo được diễn ra

theo quy định của pháp luật, đảm bảo cho hoạt động của các tôn giáo phát triển theo xu hướng đồng hành cùng dân tộc và bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa các tôn giáo. *Ba là*, phải nhằm phát huy được mặt tích cực của tôn giáo, xem tôn giáo cũng là một nguồn lực xã hội, đồng thời khắc phục những hạn chế, ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với sự phát triển của xã hội; đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của người khác. *Bốn là*, nhằm thực hiện đoàn kết người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau và đồng bào không có tín ngưỡng, tôn giáo vì một mục tiêu chung của toàn dân tộc. *Năm là*, nhằm tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc điều chỉnh các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; là sự ghi nhận về mặt pháp lý trách nhiệm của Nhà nước đối với các thể nhân và pháp nhân tôn giáo, và cũng là phương tiện để Nhà nước quản lý có hiệu quả đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Luật phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo. Mối quan hệ đó thể hiện ở chỗ nhà nước không can thiệp vào công việc nội bộ thuần túy của các tôn giáo, nhưng các tôn giáo phải đồng hành cùng dân tộc, các tổ chức tôn giáo phải tuân theo luật pháp của Nhà nước như mọi tổ chức khác của nhân dân. Cũng như vậy, luật phải đảm bảo sự hài hòa giữa tự do tôn giáo và các lợi ích công cộng. Luật tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam tất nhiên phải dựa trên đặc điểm và thực tiễn đời sống tôn giáo ở Việt Nam cũng như các đặc điểm khác về lịch sử, văn hóa, xã hội Việt Nam, nhưng đồng thời phải hài hòa, hội nhập với công ước quốc tế. Trong việc xây dựng luật pháp tôn giáo thì vấn đề luật tư cách pháp nhân đối với các tổ chức tôn giáo vẫn là vấn đề cơ bản nhất. Nhà nước phải có những nỗ lực trong vấn đề này nhằm mang lại cho các tổ chức tôn giáo vị thế pháp lý, khẳng định tính hợp pháp và tính độc lập của các tổ chức tôn giáo được công nhận. Luật cần xác định những nguyên tắc cơ bản trong việc quản lý hoạt động tôn giáo và xử lý vi phạm pháp luật của chủ thể và khách thể trong quản lý nhà nước đối với tôn giáo và trong hoạt động tôn giáo, để vừa đảm bảo chính sách tôn giáo của Đảng và pháp luật của Nhà nước không bị vi phạm, vừa góp phần vào việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ an ninh quốc gia.

Với những chính sách cụ thể có tính đặc thù đối với Tin Lành ở Tây Nguyên, do có nhiều vấn đề đặt ra từ thực tiễn về sự đa dạng của các điểm nhóm, như: có những điểm nhóm quy mô liên thôn (buôn), liên xã;

có những điểm nhóm rất đông từ 1.000 đến gần 2.000 tín đồ, nhưng cũng có những điểm nhóm chưa tới 50 tín đồ¹⁰; số điểm nhóm thuộc các chi hội còn có những điểm nhóm độc lập ngoài chi hội với số lượng tín đồ cũng rất chênh nhau; sự phân bố tín đồ cũng như số chi hội của các hệ phái cũng không giống nhau; vấn đề chức sắc và thành phần dân tộc theo Tin Lành giữa các hệ phái ở Tây Nguyên cũng có khác nhau; cùng với đó là những nhu cầu về điều kiện sinh hoạt tôn giáo như coi nói, sửa chữa, xây dựng nhà nhóm riêng, người hướng dẫn việc đạo, kinh sách, v.v., nên việc thực hiện chính sách đối với Tin Lành ở Tây Nguyên trong thời gian tới, một mặt vẫn phải tiếp tục yêu cầu các điểm nhóm đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật (đến giữa năm 2015, toàn vùng còn 260 điểm nhóm chưa đăng ký hoặc không đăng ký); hướng dẫn tín đồ ở những điểm nhóm chưa đủ điều kiện sinh hoạt tập trung nếu có nhu cầu; căn cứ vào điều kiện tự nhiên - xã hội, mật độ phân bố, số lượng tín đồ, thành phần dân tộc của từng hệ phái đã được công nhận để xem xét giải quyết linh hoạt, phù hợp, cũng như xem xét nhu cầu sử dụng nhà đất vào mục đích tôn giáo của các tổ chức Tin Lành đã được công nhận tại địa phương để có hướng giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể nhằm tạo thuận lợi cho sinh hoạt tôn giáo của người có niềm tin tôn giáo.

Với ưu thế là một tôn giáo thế tục, luật lệ, lễ nghi đơn giản, tính dân chủ, cởi mở cao, Tin Lành có sức thu hút lớn đối với tộc người thiểu số. Tình hình hiện nay cho thấy, trong những năm tới, việc thực hiện chính sách tôn giáo đối với Tin Lành ở Tây Nguyên đòi hỏi cần phải có bước đi phù hợp, vừa thể hiện sự thúc đẩy, bảo đảm cho quyền tự do tôn giáo của người dân theo tôn giáo này được thể hiện trong thực tế, vừa hướng được hoạt động của tôn giáo này theo quy định của pháp luật; phát huy giá trị tích cực của tôn giáo nói chung, Tin Lành nói riêng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ hội nhập quốc tế./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Ngô Văn Minh (chủ biên, 2007), *Lịch sử Đà Nẵng (1858 - 1945)*, Nxb. Đà Nẵng: 142 - 143.
- 2 Số liệu của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên và Vụ Tin Lành, Ban Tôn giáo Chính phủ.
- 3 Theo số liệu của cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (6/2003).
- 4 Số liệu của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (9/2011).
- 5 Số liệu của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (9/2011).

- 6 Nguyễn Thanh Cao, *Đạo Tin Lành sau 05 năm thực hiện Chỉ thị số 01 của Thủ tướng Chính phủ*. Bài đăng trên website của Ban Tôn giáo Chính phủ: http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/169/0/2677/Dao_Tin_lanh_sau_05_nam_thuc_hien_Chi_thi_so_01_cua_Thu_tuong_Chinh_phu.
- 7 Số liệu thống kê của Vụ Dân tộc - Tôn giáo thuộc cơ quan Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (6/2015).
- 8 Số liệu do tác giả tổng hợp từ nhiều báo cáo của tỉnh Gia Lai. Cũng cần ghi chú thêm về tổ chức đơn vị hành chính, năm 1975 tỉnh Gia Lai chỉ có 7 huyện, năm 1994 do chia tách nên tăng lên 11 huyện, 153 xã, phường.
- 9 Dự thảo Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo hiện đã được lấy ý kiến góp ý lần thứ 5.
- 10 Ngô Văn Minh (Chủ nhiệm), *Hoạt động của đạo Tin Lành sau đăng ký điểm nhóm ở tỉnh Gia Lai - Thực trạng và giải pháp từ góc độ quản lý nhà nước*. Đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2014 của Khoa Dân tộc và Tôn giáo thuộc Học viện Chính trị khu vực III chủ trì.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2005, 2008), *Báo cáo tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo ở Tây Nguyên*, Buôn Ma Thuột.
2. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2011), *Báo cáo 5 năm thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 04/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành trên địa bàn Tây Nguyên*, Buôn Ma Thuột.
3. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2011), *Kết quả 10 năm thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành ở Tây Nguyên (2001-2010)*, Tài liệu tham khảo, Buôn Ma Thuột.
4. Ban Dân vận Trung ương (2005), *Báo cáo tình hình đạo Tin Lành ở Tây Nguyên và Bình Phước*, Hà Nội.
5. Ban Tôn giáo Chính phủ (2009), *Báo cáo chuyên đề công tác quản lý nhà nước đối với điểm nhóm Tin Lành sau đăng ký*, Hà Nội.
6. Ban Tôn giáo Chính phủ (2012), Dự thảo báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg, ngày 04/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành, Hà Nội.
7. Nguyễn Thanh Cao, *Đạo Tin Lành sau 05 năm thực hiện Chỉ thị số 01 của Thủ tướng Chính phủ*. Bài đăng trên website của ban tôn giáo chính phủ. <http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/169/0/2677/>.
8. Hoàng Minh Đô (2005), *Chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với đạo Tin Lành vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Chính phủ*, Tổng quan đề tài nhánh cấp Nhà nước.
9. Đỗ Quang Hưng (2005), “Từ sự đổi mới về nhận thức đến sự đổi mới về chính sách tôn giáo”, *Công tác Tôn giáo*, số 1.
10. Ngô Văn Minh (Chủ nhiệm, 2009), *Quản lý nhà nước về tôn giáo ở các tỉnh Tây Nguyên*, Đề tài cấp bộ năm 2009, MS B.3.09-03, Học viện Chính trị - hành chính khu vực III, chủ trì, Đà Nẵng.
11. Ngô Văn Minh (Chủ nhiệm, 2012), *Thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng, nhà nước ở tỉnh Kon Tum từ năm 2001 đến năm 2011, kết quả và kinh nghiệm*, Đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2012 của Khoa Dân tộc và Tôn giáo, Tín ngưỡng thuộc Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III chủ trì, Đà Nẵng.

12. Ngô Văn Minh (Chủ nhiệm, 2014), *Hoạt động của đạo Tin Lành sau đăng ký điểm nhóm ở tỉnh Gia Lai - Thực trạng và giải pháp từ góc độ quản lý nhà nước*, Đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2014 của Khoa Dân tộc và Tôn giáo thuộc Học viện Chính trị khu vực III chủ trì, Đà Nẵng.
13. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành*, Hà Nội.
14. Vụ Dân tộc và Tôn giáo thuộc cơ quan Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2015), *Số liệu về tôn giáo và công tác tôn giáo ở Tây Nguyên*, Buôn Ma Thuột.
15. Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng (2005, 2014, 2015), *Báo cáo tình hình tôn giáo và công tác quản lý nhà nước về tôn giáo hàng năm*.

Abstract

POLICIES TOWARD PROTESTANTISM IN THE CENTRAL HIGHLANDS OF VIETNAM OVER 30 YEARS OF INNOVATION

The article presents the renovation and success in policies toward Protestantism in the Central Highlands over 30 years of Innovation (Đổi mới) in Vietnam. It also indicates the issues to be interested in the near future in order to ensure the religious needs of the people, direct of religious activities in accordance with the law, and ensure political security there.

Keywords: Policy, Protestantism, Central Highlands, Vietnam.